

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11/12/2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Vũ Linh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Bùi Thanh Trí.

2/ Ông Phạm Thanh Thanh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký
Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2020 về việc “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 211/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị K**, sinh năm: 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu vực L, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Võ Thị K trình bày và yêu cầu:* Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C vào ngày 30/12/5/2009. Trong thời gian chung sống giữa bà và ông H phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau, ông H có hành vi bạo lực gia đình. Trong quá trình chung sống bà và ông H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 10/02/2008 và Nguyễn Thị Ngọc G (nữ) sinh ngày 01/8/2010.

Nay bà cho rằng hôn nhân của bà với ông H không thể đoàn tụ với nhau, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Thị Ngọc G cho đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà K về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như trên là đúng. Trong quá trình chung sống thì hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Qua yêu cầu khởi kiện của bà K, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà K.

- Về con chung: Ông có ý kiến là yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi trưởng thành, không đồng ý giao hai con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với ý kiến của bà K là vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị K vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng D và cháu Nguyễn Thị Ngọc G đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; không đồng ý với ý kiến của ông H giao hai con chung lại cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, do hai con chung đã được bà nuôi dưỡng và chăm sóc từ trước đến nay.

Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông H đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà K, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải

quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; không phát hiện vi phạm.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà Võ Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn H; giao hai con chung là cháu Hoàng D và Ngọc G cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông H khai thống nhất là không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Võ Thị K và ông Nguyễn Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường T, quận C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 112 ngày 30/12/2009, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu.

Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không đạt được hạnh phúc như mong muốn nên bà K có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông H, quan hệ tranh chấp được xác định là xin ly hôn, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà K và ông H là hợp pháp trên cơ sở tự nguyện; trong thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng có sự rạn nứt, mâu thuẫn với nhau dẫn đến ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, giữa hai người không tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn, không hàn gắn tiếp tục cuộc sống hôn nhân đã được xây dựng, theo bà K cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không tìm ra tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, ông H có hành vi bạo lực với bà. Bà K cho rằng không còn tình cảm, không thể hàn gắn và kiên quyết được ly hôn với ông H.

Xét thấy để xây dựng hạnh phúc của gia đình, cũng như cuộc sống của vợ chồng phải được vun đắp từ tình cảm thật sự xuất phát từ bản thân của cả

người vợ và người chồng, sự tự nguyện cả hai người đồng thời cùng duy trì, giữ gìn hạnh phúc đã xây dựng, cùng chăm lo cho nhau và nuôi dạy con chung, nhưng bà K và ông H không làm được điều này. Bà K cho rằng không còn tình cảm, không thể hàn gắn và kiên quyết được ly hôn với ông H, ông H cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục hôn nhân với bà K, nên ông cũng thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của bà K. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà K và ông H không đạt được, đời sống chung thực tế không tồn tại, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K, cho bà K được ly hôn với ông H là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 10/02/2008 và Nguyễn Thị Ngọc G (nữ) sinh ngày 01/8/2010, nguyên đơn bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi trưởng thành, bị đơn ông H có ý kiến là khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi trưởng thành.

Xét thấy, quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là của người cha, người mẹ sau khi ly hôn, tuy nhiên phải xét về các điều kiện nuôi dưỡng như về kinh tế, hoàn cảnh, điều kiện chăm sóc, giáo dục, các điều kiện khác như môi trường sống, đảm bảo để nuôi dạy con chung được tốt, không phải xuất phát từ suy nghĩ tức thời dẫn đến việc giành quyền nuôi dưỡng làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các con chung. Ông H và bà K khai thống nhất là hiện nay cả hai con chung là cháu Hoàng D, Ngọc G đang do bà K trực tiếp nuôi dưỡng từ trước đến nay, trong thời gian nuôi dưỡng bà K đã đảm bảo cho các cháu được đi học, ông H cũng thừa nhận trong thời gian nuôi dưỡng bà K không có các hành vi ngược đãi, hành hạ con chung. Tại bản ý kiến ngày 28/10/2020 của cháu Nguyễn Hoàng D và cháu Nguyễn Thị Ngọc G có ý kiến là trường hợp cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống với mẹ (BL 17, 18). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự ổn định cuộc sống, tránh ảnh hưởng đến tâm lý; đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, môi trường sống, học tập, nghĩ nên giao hai con chung là cháu Hoàng D và cháu Ngọc G cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp và có căn cứ.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà K có ý kiến là không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, mặc dù đã được giải thích về vấn đề cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con nhưng bà K vẫn không yêu cầu ông H

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; xét đây là sự tự nguyện của bà K, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông H theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông H khai thống nhất là trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ ai hết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết, sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị K nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng D (nam), sinh ngày 10/02/2008 và Nguyễn Thị Ngọc G (nữ) sinh ngày 01/8/2010; giao hai con chung là cháu Hoàng D và Ngọc G cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, bà K không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn H theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông H khai thống nhất là trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ ai hết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết, sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị K nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006344 ngày 25 tháng 9

năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ; bà K đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

*** Nơi nhận:**

- TAND Tp.Cần Thơ;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- UBND P.T;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vũ Linh